

THÔNG BÁO

Danh sách viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ chức danh nghề nghiệp hạng IV lên chức danh nghề nghiệp hạng III năm 2026

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020;

Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 106/KH-BV, ngày 28/01/2026 của Bệnh viện về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ chức danh nghề nghiệp hạng IV lên chức danh nghề nghiệp hạng III năm 2026; Thông báo số 108/TB-BV ngày 28/01/2026 của Bệnh viện Về việc nhận hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ chức danh nghề nghiệp hạng IV lên chức danh nghề nghiệp hạng III năm 2026

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ chức danh nghề nghiệp hạng IV lên chức danh nghề nghiệp hạng III năm 2026 thông báo danh sách viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ chức danh nghề nghiệp hạng IV lên chức danh nghề nghiệp hạng III năm 2026 là: 14 viên chức

(Có Phụ lục danh sách chi tiết cụ thể kèm theo)

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ chức danh nghề nghiệp hạng IV lên chức danh nghề nghiệp hạng III năm 2026 thông báo cho các viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được biết./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (báo cáo)
- Các phòng, khoa
- Lưu: VT, HĐXTH.



TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

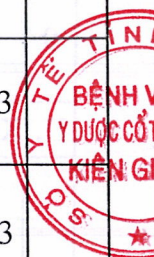
BS. CKII. Lâm Thu Thủy

BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN KIÊN GIANG
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC
TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TỪ CHỨC DANH NGHỀ
NGHIỆP HẠNG IV LÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HẠNG III NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số 155/TB-HĐXTH ngày 09/02/2026 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Mã chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn		Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
									Trình độ Chuyên môn	Trình độ quản lý nghề nghiệp				
1	2	3	4	5	7	8	9	10	12	14	15	16		20
I. Bác sĩ hạng III														
1	Trần Thanh Sang	28/9/1990	x		Khoa Châm cứu dưỡng sinh	11 năm 03 tháng	2,86	V.08.03.07	Đại học Y học cổ truyền	Giấy phép hành nghề Bác sĩ	UD CNTT CB	B1	V.08.01.03	
2	Đoàn Tấn Đạt	20/10/1993	x		Khoa Châm cứu dưỡng sinh	8 năm 4 tháng	2,66	V.08.03.07	Đại học Y học cổ truyền	Giấy phép hành nghề Bác sĩ	UD CNTT CB	Bậc 3	V.08.01.03	
3	Nguyễn Thị Phúc	26/3/1985		x	Khoa Nội tổng hợp	16 năm 9 tháng	3,46	V.08.03.07	Đại học Y học cổ truyền	Giấy phép hành nghề Bác sĩ	UD CNTT CB	B1	V.08.01.03	
4	Phạm Thị Chang	16/11/1990		x	Khoa Nội tổng hợp	8 năm 4 tháng	3,06	V.08.03.07	Đại học Y khoa	Chức danh nghề nghiệp bác sĩ	B	B1	V.08.01.03	



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Mã chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn		Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
									Trình độ Chuyên môn	Trình độ quản lý nghề nghiệp				
1	2	3	4	5	7	8	9	10	12	14	15	16		20
5	Trần Thị Dịu Hiền	15/7/1990		x	Khoa Ngũ quan	11 năm 03 tháng	3,06	V.08.03.07	Đại học Y học cổ truyền	Giấy phép hành nghề Bác sĩ	UD CNTT CB	B1	V.08.01.03	
6	Cao Thị Giang	01/01/1992		x	Khoa Ngũ quan	11 năm 03 tháng	3,06	V.08.03.07	Đại học Y học cổ truyền	Giấy phép hành nghề Bác sĩ	UD CNTT CB	B1	V.08.01.03	
7	Đỗ Thị Ngọc Mai	18/6/1991		x	Khoa Ngũ quan	11 năm 03 tháng	2,86	V.08.03.07	Đại học Y học cổ truyền	Giấy phép hành nghề Bác sĩ	UD CNTT CB	B1	V.08.01.03	
8	Huỳnh Thị Như Ý	15/11/1991		x	Khoa Phụ	11 năm 03 tháng	3,06	V.08.03.07	Đại học Y học cổ truyền	Giấy phép hành nghề Bác sĩ	UD CNTT CB	B1	V.08.01.03	
9	Trần Tứ Kuơng	22/10/1995	x		Khoa Phục hồi chức năng	7 năm 9 tháng	2,66	V.08.03.07	Đại học Y học cổ truyền	Giấy phép hành nghề Bác sĩ	A	A2	V.08.01.03	

II. Kỹ thuật y hạng III

1	Trần Thị Ngọc Vinh	11/7/1995		x	Khoa Xét nghiệm Chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng	7 năm 9 tháng	2,72	V.08.07.19	Đại học Xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề cử nhân xét nghiệm	UD CNTT CB	B1	V.08.07.18	
---	--------------------	-----------	--	---	--	---------------	------	------------	--------------------------	--	------------	----	------------	--

III. Chuyên viên

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Mã chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn		Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
									Trình độ Chuyên môn	Trình độ quản lý nghề nghiệp				
1	2	3	4	5	7	8	9	10	12	14	15	16		20
1	Trần Kim Trinh	06/6/1971		x	Phòng Hành chính quản trị	7 năm 2 tháng	3,65	01.004	Đại học Quản trị kinh doanh	Ngạch chuyên viên	UD CNTT NC	B1	01.003	

IV. Kế toán viên

1	Bùi Thị Hồng Chiên	01/9/1992		x	Phòng tài chính kế toán	8 năm 4 tháng	3,03	06.032	Đại học Kế toán	Ngạch kế toán viên	UD CNTT NC	B1	06.031	
2	Nguyễn Thị Giang	25/9/1989		x	Phòng tài chính kế toán	15 năm 4 tháng	3,34	06.032	Đại học Kế toán	Ngạch kế toán viên	UD CNTT NC	B1	06.031	
3	Đào Linh Xuân	19/10/1990		x	Phòng tài chính kế toán	11 năm 03 tháng	3,34	06.032	Đại học Kế toán	Ngạch kế toán viên	UD CNTT NC	B1	06.031	

Tổng: 14 viên chức (Bác sĩ: 9 ; Kỹ thuật Y: 1; Chuyên viên: 1; Kế toán viên: 3)



